

PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN CỦA GIÁO TRÌNH LIFE: QUAN ĐIỂM VỀ CHỨC NĂNG VÀ CẤU TRÚC

Đỗ Thị Ngọc Nhi

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Bài báo nghiên cứu sách giáo trình “LIFE” – được sử dụng cho sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học An Giang – thông qua phương pháp phân tích diễn ngôn. Trước tiên, bài viết trình bày các định nghĩa về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn. Tiếp theo là phần phân tích mức độ hiệu quả của giáo trình dựa trên hai góc độ: chức năng và cấu trúc. Về mặt chức năng, giáo trình “LIFE” hướng tới việc giảng dạy các hành vi ngôn từ thông qua các nhiệm vụ thực tiễn, tuy nhiên còn thiếu nhạy cảm văn hóa và đôi khi vi phạm các phương châm hội thoại của Grice. Về mặt cấu trúc, giáo trình sử dụng các phương tiện liên kết và phát triển chủ đề, song lại lạm dụng một số liên từ và thiên về câu chủ động, làm ảnh hưởng đến tính mạch lạc. Ngoài ra, bài viết cũng đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tiếng Anh, bao gồm: điều chỉnh các nhiệm vụ học tập, tích hợp thêm các tài liệu đa dạng, và luyện tập linh hoạt các biến thể ngôn ngữ.

Từ khóa: Diễn ngôn, phân tích diễn ngôn, góc độ chức năng, góc độ cấu trúc

DISCOURSE ANALYSIS OF THE LIFE TEXTBOOK: A FUNCTIONAL AND STRUCTURAL PERSPECTIVE

Do Thi Ngoc Nhi

Faculty of Foreign Languages, An Giang University, Vietnam National University – Ho Chi Minh City

Abstract: The paper examines the “LIFE” textbook, used for non-English majors at An Giang University, through discourse analysis. Definitions of discourse and discourse analysis are initially provided. This is followed by the analysis of the textbook’s effectiveness with regard to functional and structural discourse analysis. Functionally, “LIFE” aims to teach speech acts through authentic tasks, but exhibits cultural insensitivity and occasional violations of Grice’s maxims. Structurally, it utilizes cohesive devices and thematic development, yet overuses certain conjunctions and relies heavily on active voice, impacting coherence. In addition, the paper recommends to improve English language teaching and learning. These include revising tasks, incorporating with diverse materials, and actively practicing language variation. Enriching lexicon through drills and analyzing real-life dialogues focusing on cultural nuances are crucial.

Keywords: discourse, discourse analysis, functional perspective, structural perspective

Nhận bài: 15/03/2025

Phản biện: 10/04/2025

Duyệt đăng: 15/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, việc giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ đòi hỏi những giáo trình vừa mang tính thực tiễn vừa đảm bảo tính khoa học trong thiết kế nội dung. Giáo trình “LIFE” là một tài liệu phổ biến được sử dụng rộng rãi tại nhiều cơ sở đào tạo, trong đó có Trường Đại học An Giang. Tuy nhiên, hiệu quả của giáo trình này cần được xem xét kỹ lưỡng từ góc độ diễn ngôn để đánh giá mức độ phù hợp với nhu cầu học tập thực tế của sinh viên. Bài viết này tiếp cận việc phân tích giáo trình “LIFE” dưới hai góc độ: chức năng và cấu trúc, nhằm làm rõ những điểm mạnh, hạn chế và đề xuất các hướng cải tiến phù hợp với thực tiễn giảng dạy.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Diễn ngôn

Khái niệm về diễn ngôn đã phát triển vượt ra ngoài phạm vi hẹp của ngôn ngữ nói để bao quát các khía cạnh rộng hơn của giao tiếp. Theo truyền thống, thuật ngữ này có nguồn gốc từ tiếng Latin *discursus*, có nghĩa là “cuộc trò chuyện” nhấn

manh tính tương tác trong đối thoại. Các định nghĩa ban đầu, như được ghi nhận bởi McArthur (1996) và Bùi & Trương (2018), cho rằng diễn ngôn là một sự trao đổi có cấu trúc, thường là tranh luận, giữa các bên tham gia, chủ yếu dưới dạng nói. Quan điểm này phù hợp với cách nhìn của Crystal (1992), người xem diễn ngôn như một chuỗi ngôn ngữ nói liên tục, tạo thành các đơn vị mạch lạc như bài giảng hoặc câu chuyện, đồng thời nhấn mạnh vai trò của bối cảnh giao tiếp thực tế trong đời sống hàng ngày.

Tuy nhiên, Garrido (2003) lập luận rằng diễn ngôn không chỉ phụ thuộc vào ngữ cảnh mà còn xuất phát từ mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu trong một văn bản. Quan điểm này được củng cố bởi thực tế rằng mỗi câu trong một đoạn hội thoại đều đóng góp thông tin quan trọng, giúp liên kết nó với cuộc trò chuyện đang diễn ra và với tổng thể văn bản. Longman Dictionary of Contemporary English (2001) cũng ủng hộ quan điểm này, định nghĩa diễn ngôn là “một bài phát biểu hoặc một

bài viết nghiêm túc về một chủ đề cụ thể,” bao gồm cả hình thức nói và viết.

Carter (1993) làm rõ hơn bản chất đa diện của diễn ngôn, xác định nó vừa là cách sử dụng ngôn ngữ trong các bối cảnh khác nhau (ví dụ: “diễn ngôn chính trị”), vừa là đồng nghĩa với ngôn ngữ nói theo truyền thống, đối lập với “văn bản” vốn được hiểu là ngôn ngữ viết. Tuy nhiên, cả Carter (1993) và Nunan (1993) đều thừa nhận rằng ranh giới giữa hai khái niệm này đang dần mờ nhạt. Nunan định nghĩa “văn bản” là bản ghi chép của một sự kiện giao tiếp, trong khi diễn ngôn là sự diễn giải sự kiện đó trong bối cảnh cụ thể. Quan điểm này nhấn mạnh rằng diễn ngôn tích hợp cả văn bản và các yếu tố tình huống xung quanh.

Một sự thay đổi quan trọng trong cách tiếp cận diễn ngôn là sự chuyển dịch từ việc xem câu như đơn vị phân tích chính sang việc xem xét các cấu trúc lớn hơn. Các học giả như Stubbs (1983); Schiffrin (1987); Egbe (1996); Trask (1999); Onadeko (2000) đều nhấn mạnh rằng diễn ngôn không chỉ giới hạn trong từng câu riêng lẻ mà còn bao gồm các chuỗi giao tiếp ngôn ngữ diễn ra một cách tự nhiên, dù bằng lời nói hay văn bản. Egbe đặc biệt định nghĩa diễn ngôn là “một chuỗi ngôn ngữ tự nhiên dài hơn một câu” (tr. 72).

2.2. Phân tích diễn ngôn

Phân tích diễn ngôn, được Harris giới thiệu vào năm 1952, cung cấp một phương pháp để nghiên cứu ngôn ngữ nói và viết có tính liên kết, tập trung vào cách ngôn ngữ hoạt động ngoài phạm vi câu và tương tác với bối cảnh giao tiếp. Harris mong muốn hiểu cách các đặc điểm ngôn ngữ được phân bố và kết hợp trong các văn bản dài hơn. Quan điểm này được phản ánh trong định nghĩa của Schiffrin (1994), người xem phân tích diễn ngôn là “nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ vượt trên và ngoài câu” (tr. 170). Harris (1952) cũng nhận ra rằng diễn ngôn vốn mang tính tình huống, xảy ra trong những bối cảnh cụ thể, dù là trong một cuộc trò chuyện hay một tác phẩm viết theo một truyền thống nhất định.

Tuy nhiên, một văn bản có ngữ pháp đúng không đảm bảo rằng nó có ý nghĩa, như Nunan (1993) chỉ ra. Phân tích diễn ngôn, theo Johnstone (2002), “điều gì xảy ra khi con người vận dụng kiến thức họ có về ngôn ngữ... để thực hiện các hành động trong thế giới thực” (tr. 3). Về cơ bản, nó xem xét mối quan hệ giữa việc sử dụng ngôn ngữ và các tình huống thực tế, nhấn mạnh cách diễn ngôn đạt được các mục tiêu xã hội một cách

có chiến lược. Brown và Yule (1983, tr. 1) cũng nhấn mạnh rằng phân tích diễn ngôn “tất yếu là phân tích ngôn ngữ trong sử dụng,” chú trọng đến chức năng và mục đích của các hình thức ngôn ngữ hơn là chỉ mô tả chúng một cách tách biệt.

2.3. Phân tích diễn ngôn của giáo trình “LIFE”

2.3.1. Góc độ chức năng

Giáo trình được thiết kế nhằm giảng dạy ngôn ngữ chức năng, với 12 bài học tập trung vào các hành vi lời nói khác nhau (ví dụ: hỏi đường, gọi món ăn). Các bài tập trong sách giúp người học thực hành những hành vi này, chẳng hạn như bài tập chỉ đường trên bản đồ hoặc mô phỏng phỏng vấn. Những hoạt động này không chỉ thúc đẩy tính chân thực mà còn hỗ trợ phát triển nhận thức, khuyến khích tư duy phản biện thông qua câu hỏi đọc hiểu và kích thích sáng tạo qua bài tập viết. Tuy nhiên, một số bài tập chưa thực sự phù hợp, chẳng hạn như bài tập viết tin nhắn văn bản trong bài học về ngoại hình.

Trình tự các nhiệm vụ được sắp xếp hợp lý theo hướng từ đầu vào đến đầu ra, tích hợp cả bốn kỹ năng ngôn ngữ trong mỗi bài học. Các văn bản đọc và nghe giới thiệu ngữ pháp, từ vựng và phát âm, sau đó là các hoạt động nói và viết. Đặc biệt, các đoạn hội thoại trong sách phần lớn phản ánh ngôn ngữ thực tế, bao gồm các khoảng dừng, câu không hoàn chỉnh và hiện tượng lược bỏ tự nhiên, giúp tăng tính chân thực. Tuy nhiên, một số cụm từ như “Can I get you anything to drink first?” mang tính đặc thù của một số bối cảnh nhất định (ví dụ: nhà hàng), trong khi một số câu hỏi như “Are you the same age?” có thể không phù hợp về mặt văn hóa trong các ngữ cảnh phương Tây.

2.3.2. Góc độ cấu trúc

Giáo trình sử dụng các phương tiện liên kết như tham chiếu, thế, lược, liên từ và liên kết từ vựng để tạo ra các văn bản mạch lạc. Ví dụ 4 minh họa cách sử dụng hiệu quả các liên từ và sự liên kết từ vựng nhằm kết nối các mệnh đề và nhấn mạnh ý nghĩa. Tuy nhiên, một số trường hợp sử dụng lại chưa đạt hiệu quả mong muốn. Chẳng hạn, liên từ “but” đôi khi không thể hiện rõ sự tương phản, hoặc có sự lạm dụng các liên từ như “but” và “and”. Ngoài ra, một số từ như “people,” “tattoos” và “astronomers” bị lặp lại quá nhiều, trong khi các phương tiện liên kết khác lại chưa được tận dụng đầy đủ.

Việc phát triển chủ đề cũng đóng vai trò quan trọng trong hiệu quả giao tiếp, giúp kết nối nội

dung giữa các câu. Chẳng hạn, việc sử dụng các chủ đề bao quát giúp tạo sự thống nhất trong văn bản. Các bài đọc trong sách hỗ trợ người học hiểu về cấu trúc bài luận và cách tổ chức ý tưởng. Tuy nhiên, giáo trình quá phụ thuộc vào câu chủ động, khiến người học ít tiếp xúc với các cấu trúc câu phức tạp hơn. Một số bài đọc cũng thiếu tính mạch lạc, với thông tin bị lặp lại và kết nối chưa rõ ràng, như văn bản về Leakey (trang 12).

2.4. Đề xuất

Tăng cường tính mạch lạc và liên kết: Giáo viên có thể thiết kế bài tập phân tích văn bản, trong đó sinh viên làm việc theo nhóm để đánh giá cách sử dụng phương tiện liên kết và mức độ mạch lạc của văn bản (ví dụ: trang 12 và 34), từ đó đề xuất các chỉnh sửa hợp lý.

Mở rộng đầu vào ngôn ngữ: Một môi trường đầu vào phong phú với các bài báo ngắn, tạp chí, câu chuyện, video clip có thể giúp người học khám phá sự biến đổi của ngôn ngữ trong cả văn viết và văn nói. Điều này sẽ hỗ trợ họ trong việc sử dụng cấu trúc câu, từ vựng, phương tiện liên kết và phát triển chủ đề một cách linh hoạt hơn.

Phát triển vốn từ vựng: Giáo viên có thể áp dụng bài tập thay thế từ (substitution drill), trong đó cung cấp từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ cùng trường nghĩa hoặc từ cấp dưới (hyponym) để giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các từ mới. Đồng thời, các đoạn hội thoại thực tế nên được sử dụng để thực hành các hành vi lời nói, phân tích sự vi phạm phương châm hội thoại và khám phá các yếu tố văn hóa trong giao tiếp.

Nâng cao nhận thức về diễn ngôn lớp học: Giáo

viên có thể tận dụng cử chỉ, ngữ điệu và khoảng dừng trong bài giảng để giúp sinh viên nhận diện các phương tiện liên kết và hỗ trợ họ khi gặp khó khăn trong việc diễn đạt.

Khuyến khích tư duy phản biện: Sử dụng cả câu hỏi hiển thị (display questions) và câu hỏi tham chiếu (referential questions) để thúc đẩy tư duy của người học. Đồng thời, giáo viên có thể đưa ra nhiều loại phản hồi khác nhau, bao gồm phản hồi sửa chữa gián tiếp (recast), gợi ý (elicitation), gợi ý siêu ngôn ngữ (metalinguistic clues) hoặc yêu cầu làm rõ (clarification requests) để giúp sinh viên tự điều chỉnh cách diễn đạt của mình.

Tăng cường tương tác nhóm: Các nhiệm vụ nhóm có thể được sử dụng thường xuyên hơn để tạo cơ hội cho sinh viên tiếp xúc với ngôn ngữ thực tế và nhận đầu vào đa dạng hơn từ những người đối thoại. Điều này không chỉ nâng cao kỹ năng giao tiếp mà còn giúp người học thích ứng với nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau.

III. KẾT LUẬN

Giáo trình *LIFE* cung cấp một nền tảng vững chắc để phát triển kỹ năng ngôn ngữ cho sinh viên năm nhất không chuyên tiếng Anh. Tuy nhiên, một số khía cạnh cần được cải thiện, đặc biệt là về tính mạch lạc, sự liên kết giữa các bài tập và tính phù hợp về mặt ngữ cảnh. Thông qua việc điều chỉnh phương pháp giảng dạy và bổ sung các hoạt động thực hành phong phú, giáo trình có thể trở thành một công cụ hiệu quả hơn trong việc phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học trong giao tiếp thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brown, G., & Yule, G. (1983). *Discourse Analysis*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Bui Diem Hanh & Truong Van Anh (2018). *Discourse analysis*. Ho Chi Minh City: VNU-HCM Press.
- Carter, R. (1993). *Introducing applied linguistics*. Penguin English.
- Crystal, D. (1992). *Introducing linguistics*. Harlow: Penguin.
- Egbe, D. (1996). *Excellence in written and spoken English*. Lagos: Tinson.
- Garrido, J. (2003). *Discourse and text as units of analysis*. Circle of Linguistics Applied to Communication, 13, 13-22.
- Harris, Z. (1952). *Discourse analysis language*. Linguistic Society of America, 28, 1-30.
- Johnstone, B. (2002). *Discourse analysis*. Oxford Blackwell.
- Longman dictionary of contemporary English. (2001) (3rd Ed.). *Person Education Limited*, Longman.
- McArthur, T. (1996). *The Oxford companion to the English language*. Oxford University Press.
- McCarthy, M. (1991). *Discourse analysis for language teachers*. UK: Cambridge University Press.
- Nunan, D. (1993). *Introducing discourse analysis*. Penguin Books.
- Onadeko, T. (2000). *Discourse Analysis: The Fundamental*. In Babjide, A. (Ed.). Studies in English language. Ibadan: Enicrownfit.
- Paul, D., John, H., & Helen, S. (2013). *Life (Vietnam edition)*. Elementary level. Asia ELT/School: Edward Yoshioka
- Schiffrin, D. (1994). *Approaches to discourse analysis*. Cambridge, MA: Blackwell.
- Stubbs, M. (1983). *Discourse analysis*. Chicago: University of Chicago Press.
- Trask, R. L. (1999). *Key concepts in language and linguistics*. London: Routledge.